

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày 10/7/2023

*Về việc “Tranh chấp chia tài sản chung,
tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng
đất”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Nhân.
2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 và ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST-DS ngày 25/10/2021 và thụ lý yêu cầu độc lập ngày 25/02/2022, ngày 19/12/2022, về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung, tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 25/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST - DS ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Đội 7, thôn Năng Tây 1, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Ph uỷ quyền cho ông Nguyễn Thanh H theo văn bản uỷ quyền lập ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại UBND xã Nghĩa Phương.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Đội 7, thôn Năng Tây 1, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Đội 7, thôn Năng Tây 1, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Vạn Trung, xã Phô Phong, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1975;

Bà Ng uỷ quyền cho ông Nguyễn Thanh H theo văn bản uỷ quyền lập ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại UBND xã Nghĩa Phương.

+ Chị Phạm Thị Mỹ Y, sinh năm 1998;

+ Chị Phạm Thúy H, sinh năm 2001;

+ Anh Phạm Đăng Kh, sinh năm 2004;

+ Bà Huỳnh Thị Phương Th, sinh năm 1977;

+ Chị Nguyễn Huỳnh Xuân M, sinh năm 2005;

+ Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 2008.

Cùng địa chỉ: Đội 7, thôn Năng Tây 1, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Ph, ông Hương, bà Ng có mặt, chị Yên, chị Hằng, anh Kha có đơn xin vắng mặt; ông Đ, bà Thảo, chị Mỹ, anh Việt vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2021(BL 21), bản trình bày ngày 30/01/2022 (BL 73) biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 7/3/2023 (BL 210) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Đặng Thị Ph và (người đại diện theo uỷ quyền của bà ông Nguyễn Văn Hương) trình bày, yêu cầu:

Nguồn gốc thửa đất số 657, tờ bản đồ số 6, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa là do bà và ông Huých tạo lập. Cụ thể, sau khi giải phóng đất nước, bà cùng ông Huých (đi tập kết) trở về lại quê hương xin được một phần đất trên để làm nhà ở. Năm 1998, vợ chồng bà được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất. Vợ chồng bà có 03 con chung: ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Thanh H. Gia đình bà cùng nhau sinh sống chung tại đây cho đến khi bà Ng, ông Hương lập gia đình ở riêng. Riêng ông Đ lập gia đình và vẫn sống chung cùng vợ chồng bà.

Năm 2012, ông Nguyễn Huých chết không để lại di chúc. Năm 2015, bà Ng không có chỗ ở, gia đình bà có cho bà Ng diện tích khoảng 80m² nằm tiếp giáp về phía Tây Bắc của thửa đất để làm nhà ở như hiện hữu. Vì tuổi già, bà muốn bàn bạc cùng các con phân chia đất cho các con sử dụng. Theo ý của bà và ông Hương, bà Ng thì chia cho bà Ng 100m² tại vị trí hiện tại bà Ng đã làm nhà; chia cho ông Đ diện tích 200m² đất tại vị trí có căn nhà vợ chồng bà và giao căn nhà này cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; chia cho ông Hương 200m² nằm ở vị trí phía Đông nam thửa đất; phần diện tích còn lại khoảng 141,5m², trên đất có 01 nhà bếp do vợ chồng bà xây dựng để cho bà sử dụng. Tuy nhiên đề xuất trên không được ông Đ chấp nhận, nên bà khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu chia tài sản chung là phần diện tích sau khi trừ phần diện tích đã cho bà Ng làm nhà. Nhưng bà Ng, ông Hương có yêu cầu Tòa án chia di sản của ông Huých, trong đó có cả phần diện tích hiện do bà Ng đang làm nhà. Vì vậy bà có thay đổi yêu cầu về diện tích so với đơn khởi kiện. Cụ thể:

- Chia tài sản chung của bà và ông Nguyễn Huých là thửa đất số 657, diện tích 641,5m² (theo kết quả đo vẽ thực tế là 612,56 m²), bà yêu cầu được nhận một nửa phần đất phía Nam, diện tích 306,33m²; phần còn lại một nửa phía Bắc của thửa đất là di sản của ông Nguyễn Huých.

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Huých theo pháp luật cho 04 đồng thừa kế gồm bà, ông Đ, bà Ng, ông Hương thành bốn kỷ phần, mỗi kỷ phần được chia tương ứng với diện tích 76,58 m² (306,33m²: 4). Kỷ phần thứ nhất giao cho bà Ng (vị trí nhà bà Ng đang ở), kỷ phần thứ hai bà được nhận, kỷ phần thứ ba chia cho ông Đ, kỷ phần thứ tư chia cho ông Hương. Hiện tại chị Ng đang sử dụng thực tế diện tích đất 81,38m² (đã làm nhà ở), không đủ diện tích để làm giấy tờ cho bà Ng nên bà có yêu cầu cho chị Ng 23,4m² trong kỷ phần của bà, để bà Ng đủ 100m². Phần diện tích còn lại của kỷ phần bà được chia (53,2m²), bà cho ông Đ (trên phần đất này có nhà của vợ chồng bà làm), ông Đ không phải thôi lại giá trị hiện quyền sử dụng đất 53,2m² cho bà.

- Về tài sản trên đất: nhà ở, cây cối và các công trình khác là do vợ chồng bà tạo lập. Khi ông Đ, ông Hương trưởng thành có đóng góp sửa chữa, xây dựng lại vào năm 2001 (không rõ bao nhiêu tiền). Hiện nay, căn nhà do ông Đ cùng vợ con đang sinh sống tại đây; bà thống nhất không có tranh chấp tài sản trên đất. Phần diện tích được giao, phân chia, tặng cho có công trình trên đất thì người đó được tiếp tục sử dụng không phải thôi lại giá trị cho nhau.

- Phía Nam tại phần tài sản chung của bà yêu cầu được chia 306,33m² có nhà bếp cấp IV, diện tích mặt bằng xây dựng 37,84m², có mái hiên, có nhà vệ sinh, nhà tắm, có sân trát bê tông, có giếng nước, hàng rào bà yêu cầu tiếp tục giao cho bà quản lý, sử dụng vì phần nhà ở chính bà đã yêu cầu giao cho ông Đ nên bà cần có chỗ ở và làm nơi thờ phượng ông bà và ông Huých (người có công).

Tại phiên toà, bà Ph trình bày: Đối với phần mái hiên, nhà vệ sinh, nhà tắm, phần sân trát xi măng do ông Đ, bà Thảo (vợ ông Đ) sửa chữa, làm thêm. Nhưng hiện tại bà đã già yếu (chỉ sống nhờ nhận tiền trợ cấp bệnh binh của ông Huých mỗi tháng không quá một triệu đồng) nên không đủ khả năng để thôi lại phần giá trị làm thuê cho ông Đ, bà Thảo. Bà cũng trình bày: phần nhà ở chính bà và các con thống nhất giao cho ông Đ, bà Thảo được tiếp tục ở, quản lý, sử dụng.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2022 (BL 44), biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 7/3/2023 (BL 210) và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng (người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Văn Hương) trình bày, yêu cầu:

Thống nhất về mối quan hệ quyết thống của gia đình, nguồn gốc tài sản, quá trình quản lý, sử dụng như nguyên đơn trình bày. Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu nhận kỷ phần di sản của ông Huých (kỷ phần có vị trí thứ nhất) 76,58 m², đồng ý nhận 23,4m² của bà Ph cho đủ 100m² để làm được giấy chứng nhận QSD đất. Trên phần đất bà được nhận có nhà bà đã làm từ năm 2016.

Đối với các tài sản và công trình trên đất bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật (không có tranh chấp) nếu phần đất ai được chia thừa kế có công trình xây dựng do người đó xây dựng thì tiếp tục quản lý sử dụng; còn phần đất chia cho người được hưởng thừa kế mà có công trình xây dựng trên đất do người khác xây dựng

nếu còn giá trị sử dụng thì tính toán và thối tiền lại cho người đó, nếu không có giá trị sử dụng bà đề nghị tháo dỡ, giao lại hiện trạng đất.

Tại phiên toà, bà thống nhất theo ý kiến của bà Ph, giao tài sản là nhà chính cho ông Đ, bà Thảo quản lý sử dụng, bà nhà bếp và công trình phụ, mái hiên, một phần sân trát bê tông có trên phần đất giao cho bà Ph thì bà thống nhất giao cho bà Ph quản lý sử dụng và có đề nghị không buộc bà Ph phải thối lại tiền cho ông Đ, bà Thảo vì bà Ph hiện tại không có khả năng về kinh tế.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 (BL 69), biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/3/2023 (BL 210) và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hương trình bày, yêu cầu:

Thống nhất về mối quan hệ quyết thống của gia đình, nguồn gốc tài sản có tranh chấp, quá trình quản lý, sử dụng. Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị Ph và bà Nguyễn Thị Ng. Ông yêu cầu được nhận kỹ phần di sản của ông Huých 76,58 m² (kỹ phần có vị trí thứ tư) như bà Ph đề nghị.

Nhưng, tại phiên toà, ông trình bày kỹ phần ông được nhận (nằm dưới căn nhà của cha mẹ hiện tại do ông Đ, bà Thảo đang sử dụng), ông thống nhất tặng cho ông Đ kỹ phần của ông. Thống nhất theo ý kiến của bà Ph và bà Ng giao tài sản là nhà ở (là của cha mẹ, ông và ông Đ có đóng góp sửa chữa lại vào năm 2001 nhưng không rõ đóng góp bao nhiêu) và tài sản khác trên phần đất ông Đ được chia, được cho tặng để ông Đ, bà Thảo tiếp tục được quản lý sử dụng. Ông không có tranh chấp.

Đối với nhà bếp và công trình phụ (nằm trên phần đất được chia của bà Ph), ông thống nhất giao cho bà Ph được quản lý, sử dụng, bà Ph không phải thối lại giá trị cho ông Đ, bà Thảo. Đối với các tài sản và công trình trên đất được chia cho bà Ng là của bà Ng nên bà Ng được tiếp tục sử dụng, ông không có tranh chấp.

Tại bản tự khai ngày 14 /12/ 2021; đơn trình bày ý kiến ngày 20/11/2022 (BL 167); đơn xin trả lời ngày 27/2/2023 (BL 172), giấy xin trình bày ngày 12/6/2023, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Ông thống nhất về nội dung quan hệ huyết thống. Về nguồn gốc đất, ông trình bày là cha ông (ông Huých là bệnh binh) sau khi tập kết về năm 1976, không có chỗ ở nên xin đất và làm nhà ở. Năm 2001, nhà bị hư hỏng nên ông đã bỏ tiền ra sửa chữa lại nhà như hiện hữu. Năm 2003, ông lập gia đình có vợ sinh sống cùng cha mẹ. Năm 2012, cha ông mất. Ngoài ra, ông Đ còn trình bày về hoàn cảnh gia đình, ông là người con cả trong gia đình nên rất có trách nhiệm lo cho cha mẹ, các em. Về nội dung khởi kiện của bà Ph, bà Ng, ông Hương thì ông trình bày: Về đất ông không có tranh chấp, đề nghị Toà chia đúng pháp luật, ông xin nhận một kỹ phần thừa kế theo qui định. Nhưng nhà cửa như hiện tại, nhà bếp và công trình phụ là do ông làm và phải thối lại cho ông giá trị tương xứng.

Tại đơn trình bày ngày 15/02/2022 (BL 76), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Mỹ Y, chị Phạm Thuý Hằng, anh Phạm Đăng Kh trình bày: Các anh chị là con của bà Nguyễn Thị Ng, đang sống phần đất có tranh chấp nhưng các anh chị còn nhỏ, không có liên quan đến tài sản đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Phương Th trình bày bà là vợ của ông Đ từ năm 2003 nhưng bà biết hoàn cảnh và gia đình của ông Đ. Nhà ông Đ làm lại năm 2001 - trước thời điểm khi bà về làm dâu. Bà trình bày thống nhất với lời trình bày của ông Đ. Chị Nguyễn Huỳnh Xuân M, anh Nguyễn Hoàng V trình bày: Các anh, chị là con của ông Đ, bà Thảo hiện đang sinh sống cùng với ông Đ, bà Thảo, còn đi học nên không có liên quan đến tài sản đang tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, chia di sản thừa kế của Bà Đặng Thị Ph, bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Thanh H; ghi nhận sự tặng cho kỹ phần thừa kế giữa các đồng thừa kế. Tài sản trên đất các đương sự không có tranh chấp đề nghị tiếp tục giao những tài sản có trên các kỹ phần cho đồng thừa kế được hưởng tiếp tục quản lý, sử dụng. Đối với bà Ph đề nghị không buộc bà phải thôi lại giá trị cho tài sản trên đất cho ông Đ, bà Thảo là công bằng, vì bà Ph không có khả năng về tài chính, đã cho và giao nhà ở chính và một phần kỹ phần di sản của bà cho ông Đ. Về chi phí tố tụng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế QSD đất tọa lạc tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án: “*Tranh chấp chia tài sản chung, tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Đương sự không thực hiện quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Việc thay đổi yêu cầu về diện tích để chia tài sản chung, chia di sản của bà Ph đã được xác định tại buổi công khai chứng cứ là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Các đồng thừa kế thừa nhận thửa đất 657, tờ bản đồ số 6 xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, diện tích 641,5m² (theo kết quả đo vẽ thực tế là 612, 65m²) có nguồn gốc do ông Nguyễn Huých và Bà Đặng Thị Ph tạo lập sau năm 1975, đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Huých, bà Ph năm 1998 (thửa đất số 538, tờ bản đồ số 4, diện tích 560m²). Do đó, xác định QSD đất thửa đất số 657 diện tích 612,56m² là tài sản chung của ông Huých, bà Ph. Ngoài ra, các đồng thừa kế có trình bày gia đình còn có một số thửa đất để trồng lúa nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

[2.2] Theo Điều 612 Luật dân sự 2015 (Điều 634 Luật dân sự 2005), di sản của ông Huých có trong phần tài sản chung QSD đất thửa đất số 657. Theo Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 “*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*”. Như vậy, Bà Đặng Thị Ph và ông Nguyễn Huých mỗi người được quyền sử dụng một nửa QSD đất thửa đất số 657 là 306,325m².

[2.3] Ông Nguyễn Huých (sinh năm 1931, chết ngày 20/3/2012), có vợ Bà Đặng Thị Ph. Ông Huých và bà Ph có các con: ông Nguyễn Ngọc Đ sinh năm 1972, bà Nguyễn Thị Ng sinh năm 1975 và ông Nguyễn Thanh Hsinh năm 1978; không có con riêng, con nuôi, cha mẹ của ông Huých là cụ Nguyễn Văn Phán (sinh năm 1891, chết năm 1967) và cụ Lê Thị Phu (sinh năm 1899, chết năm 1952). Các đồng thừa kế thống nhất và thừa nhận quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống của ông Huých. Theo Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015, xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Huých gồm: bà Ph, ông Đ, bà Ng, ông Hương.

[2.4] Nguyên đơn Bà Đặng Thị Ph yêu cầu chia tài sản chung QSD đất thửa đất số 657 là 306,325m², có giới cận: phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp đất ông Đoàn, phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 657, phần còn lại là di sản của ông Nguyễn Huých là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Ng, anh Hương đã trùng với yêu cầu của nguyên đơn là bà Ph.

[2.6] Ông Huých chết không để lại di chúc nên xác định QSD đất diện tích 306,325m² (phần còn lại của thửa đất số 657) là di sản của ông Nguyễn Huých.

[2.7] Xét yêu cầu chia di sản của nguyên đơn Bà Đặng Thị Ph và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh Hđôi với di sản của ông Nguyễn Huých là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.7.1] Chia di sản QSD đất của ông Nguyễn Huých theo pháp luật cho 04 đồng thừa kế, Bà Đặng Thị Ph, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh H. Mỗi kỹ phần được chia diện tích (306,33m²: 4) 76,58m², trị giá (76,58 m² x 2.368.040 đồng) 181.345.500 (Một trăm tám mươi một nghìn ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

[2.7.2] Chia cho bà Nguyễn Thị Ng một kỷ phần $76,58m^2$, có vị trí phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 657 và phía Bắc giáp đường đi.

[2.7.3] Chia Bà Đặng Thị Ph một kỷ phần $76,58m^2$ có vị trí phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 657, phía Bắc tiếp giáp với phần đất chia cho bà Ng. Ghi nhận ý kiến của bà Ph tặng cho bà Ng $23,42m^2$ trong kỷ phần của bà được nhận. Ghi nhận ý kiến của bà Ph tặng cho ông Đ tiếp tục quản lý sử dụng.

[2.7.4] Chia cho ông Nguyễn Ngọc Đ một kỷ phần $76,58m^2$ có vị trí phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 657 và phía Bắc tiếp giáp với phần đất chia cho bà Ph.

[2.7.5] Chia cho ông Nguyễn Thanh H một kỷ phần $76,58m^2$ có vị trí phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 657 (phần chia một nửa cho bà Ph) và phía Bắc tiếp giáp với phần đất chia cho ông Đ. Ghi nhận ý kiến của ông Hương tặng cho kỷ phần của ông cho ông Đ tiếp tục, quản lý sử dụng.

[2.8] Đối với công trình kiến trúc tài sản trên đất: Các đồng thừa kế - bà Ph, ông Hương, bà Ng thừa nhận là Nhà ở, nhà bếp là của ông Huých, bà Ph; có sự đóng góp của ông Đ, ông Hương. Riêng ông Đ thống nhất nhà ở là của ông Huých, bà Ph, nhưng năm 2001, ông đã sửa chữa, làm lại như hiện hữu. Không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc ông Đ, ông Hương đóng vào việc làm nhà, sửa nhà cụ thể là bao nhiêu, các đương sự không có sự thống nhất về vấn đề này. Riêng đối với sân trát xi măng bê tông, mái hiên (ký hiệu H2), Nhà tắm (WC1); Nhà vệ sinh (WC2) thống nhất là do ông Đ (bà Thảo) làm. Bà Ph, ông Hương, bà Ng thống nhất không tranh chấp những tài sản trên nhưng khi xét xử nếu tài sản nào nằm trên phần đất được phân chia thì người đó tiếp tục sử dụng và không phải bồi lại giá trị cho nhau.

[2.8.1] Tại phần diện tích được chia và bà Ng được tặng cho có: Nhà cấp IV (A1) là: $47,7m^2$, mái hiên (H1) lợp tole lạnh, sân trát xi măng; trụ công. Đây là tài sản của bà Ng, không có tranh chấp, bà Ng được quyền tiếp tục, quản lý sử dụng theo qui định.

[2.8.2] Tại phần diện tích QSD đất được chia và được tặng cho của ông Đ có: Nhà chính, cấp IV (A2) diện tích $98,27m^2$ đồng, diện tích sân trát xi măng bê tông $80,55m^2$, trang thờ trị, trụ công bê tông và cánh cửa lưới B40, hai cây vừng. Bà Ph, bà Ng, ông Hương đề nghị giao cho ông Đ, bà Thảo sử dụng tiếp tục được quản lý sử dụng là phù hợp nên được ghi nhận.

[2.8.3] Tại phần diện tích chia tài sản chung (với ông Huých) cho bà Ph có: Nhà bếp (A3), nhà tắm (WC1); Nhà vệ sinh (WC2), mái hiên (H2), giếng đào và nên giếng, sân trát xi măng bê tông diện tích $39,24m^2$, bảy cây vông, 01 cây ké, ba bụi trúc, 01 bụi chuối. Xét thấy: Lẽ ra, Hội đồng xét xử sẽ phân chia quyền sử dụng đất và sẽ giao nhà chính - cấp IV (A2) cho bà Ph làm nơi ở, làm nơi thờ cúng ông bà, thời cúng ông Huých - người có công. Bởi lẽ khối tài sản này là do vợ chồng bà tạo lập ban đầu. Nhưng, xuyên suốt vụ án, bà Ph có mong muốn chỉ được nhận Nhà bếp (A3) diện tích $37,84m^2$ và công trình phụ để làm nơi ở. Bà dành căn nhà chính cho ông Đ (con trưởng) (bà

Thảo vợ ông Đ) làm nơi sinh sống. Đây là nguyện vọng, yêu cầu của bà Ph, các đồng thừa kế bà Ng, ông Hương thống nhất, (ông Đ không có tranh chấp, trình bày thối lại giá trị cho ông) nên Hội đồng xét xử ghi nhận. So sánh giá trị kỹ phần đất mà bà Ph, ông Hương tặng cho ông Đ và giá trị căn nhà chính với giá trị của tài sản mà ông Đ (bà Thảo) bỏ ra làm đối một số công trình (WC1, WC2, H2, một phần sân trát xi măng bê tông) trên phần đất giao cho bà Ph, cũng như xem xét điều kiện hoàn cảnh của bà Ph (chỉ có nguồn thu nhập chính từ số tiền trợ cấp hàng tháng của người có công, bà không còn khả năng lao động, già yếu), Hội đồng xét xử giao các tài trên cho bà Ph được quản lý sử dụng và không buộc bà Ph phải thối lại giá trị (WC1, WC2, H2, một phần sân trát xi măng bê tông) cho ông Đ (bà Thảo) là phù hợp lẽ công bằng, đạo Đ xã hội.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Thanh Htự nguyện chịu toàn bộ phù hợp với quy định tại Điều 158; Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự nên được ghi nhận. Ông Hương đã chi phí xong.

[4] Về án phí sơ thẩm:

[4.1] Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Ph được miễn nộp án phí.

[4.2] Ông Nguyễn Thanh Hthuộc đối tượng hộ cận nghèo, có đơn đề nghị miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh Hương được miễn nộp án phí.

[4.3] Đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ng được hưởng di sản của ông Huych. Theo khoản 7, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mỗi người phải chịu án phí đối với phần di sản được hưởng là $76,58m^2 \times 181.345.500 \times 5\% = 9.067.275$ đồng.

[5] Ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 5, khoản 3, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, 147, 157, 158, 166, 227, 228, 229, 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 213, Điều 611, 612, 616, 623, 649, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị Ph về chia tài sản chung.

- Xác định quyền sử dụng đất thửa đất số 657, tờ bản đồ 6 (diện tích theo kết quả đo vẽ thực tế là 612,65m², loại đất ở nông thôn) là tài sản chung của ông Nguyễn Huých và Bà Đặng Thị Ph.

- Chia tài sản chung của Bà Đặng Thị Ph và ông Nguyễn Huých mỗi người được quyền sử dụng một nửa diện tích là 306,325m².

- Bà Đặng Thị Ph được quyền quản lý, sử dụng: Diện tích quyền sử dụng đất 306,325m², có giới cận: phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp đất ông Đoàn, phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất 657, vị trí được giới hạn bởi các điểm 9B-10-11-12-13-14-15-9B (có sơ đồ kèm theo). Nhà bếp (A3), nhà tắm (WC1); Nhà vệ sinh (WC2), mái hiên (H2), giếng đào, nền giếng, sân trát xi măng bê tông diện tích 39,24m², bảy cây vông, 01 cây ké, ba bụi trúc, 01 bụi chuối.

- Xác định quyền sử dụng đất diện tích 306,325m², phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp với phần đất chia cho bà Ph, phía Bắc giáp đường đi, được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-7A-8-8A-8B-9-9A-9B-15-15A-15B-16-1 là di sản của ông Nguyễn Huých.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị Ph, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh H chia di sản là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Huých theo pháp luật.

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Huých theo pháp luật cho 04 đồng thừa kế gồm Bà Đặng Thị Ph, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh H. Mỗi kỹ phần được chia tương ứng với diện tích 76,58m², trị giá là 181.345.500 (Một trăm tám mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ng được chia một kỹ phần 76,58 m², có vị trí phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 657, phía Bắc giáp đường đi; được giới hạn bởi các điểm 2-3-4-5-6-7-7A-2 (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Đặng Thị Ph được chia một kỹ phần 76,58m², có vị trí phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 657, phía Bắc tiếp giáp với kỹ phần chia cho bà Ng; được giới hạn bởi các điểm 1-2-7A-8- 8A-8B-15B-16-1(có sơ đồ kèm theo).

- Chia ông Nguyễn Ngọc Đ được nhận một kỹ phần 76,58m², có vị trí phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 657 và phía Bắc tiếp giáp với kỹ phần chia cho bà Ph; được giới hạn bởi các điểm 15B-8B-9-9A-15A-15B (có sơ đồ kèm theo);

- Chia ông Nguyễn Thanh H được nhận một kỹ phần 76,58m², có vị trí phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Học, phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 657 (phần chia một nửa cho bà Ph) và phía Bắc tiếp giáp với kỹ phần chia cho ông Đ; được giới hạn bởi các điểm 15A- 9A- 9B-15-15A (có sơ đồ kèm theo).

3. Ghi nhận ý kiến của Bà Đặng Thị Ph tặng cho bà Nguyễn Thị Ng diện tích 23,42m². Bà Nguyễn Thị Ng được quyền quản lý, sử dụng diện tích 100m², vị trí được giới hạn bởi các điểm 1- 2- 3 - 4- 6-7-7A- 8 - 8A-16-1 (có sơ đồ kèm theo).

4. Ghi nhận ý kiến của Bà Đặng Thị Ph tặng cho cho ông Nguyễn Ngọc Đ diện tích 53,16m² và ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Thanh H tặng cho ông Nguyễn Ngọc Đ diện tích 76,58m²: Ông Nguyễn Ngọc Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 206.32m², vị trí được giới hạn bởi các điểm 16-8A-9-9A-9B-15-15A-15B-16 (có sơ đồ kèm theo). Ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Huỳnh Thị Phương Th được quản lý, sử dụng nhà chính, cấp IV (A2) diện tích 98,27m², diện tích sân trát xi măng bê tông 80,55m², trang thờ, trụ công bê tông và cửa lưới B40, hai cây vừng.

5. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền đăng ký để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

6. Án phí và chi phí tố tụng:

- Bà Đặng Thị Ph, ông Nguyễn Thanh H được miễn án phí.

- Ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí tố tụng của ông Nguyễn Thanh H đã thực hiện xong.

- Ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Ng mỗi người phải chịu số tiền án phí 9.067.275 đồng. Bà Nguyễn Thị Ng đã nộp tạm ứng số tiền tạm ứng án phí 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0005696 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thanh Hòa

